

Số: **151**/NQ-HĐND

Chư Pưh, ngày **14** tháng **7** năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC, ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND, ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT, ngày 20/9/2022 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND, ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-UBND, ngày 21/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023;

Xét Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023, cụ thể như sau:

Tổng vốn sự nghiệp phân bổ:	18.014 triệu đồng , trong đó:
- Ngân sách trung ương:	16.375 triệu đồng;
- Ngân sách huyện:	1.639 triệu đồng.

Chi tiết Ngân sách huyện:

+ Ngân sách huyện đã bố trí đối ứng: 1.004 triệu đồng;

(Đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị Trường Nội trú: 1.004 triệu đồng (đã bố trí trong dự toán đầu năm 1.869 để đầu tư phòng bộ môn tin học cho 03 Trường Nội trú, Nguyễn Huệ và Ama Trang Long tại Nghị quyết số 113/NQ-HĐND, ngày 29/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện).

+ Ngân sách huyện đối ứng (Dự phòng NS năm 2023): 635 triệu đồng.
(có phụ lục kèm theo)

Ngân sách trung ương và ngân sách huyện hỗ trợ một phần cho địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Các xã, thị trấn chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành các mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân huyện giao.

Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa X - Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 13 tháng 07 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch đầu tư;
- Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp&PTNT;
- Sở Lao động TB&XH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- UBMTTQ huyện;
- Các cơ quan, ban ngành thuộc huyện;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, HĐ.



CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Vũ Văn Hường



Phụ lục 01

PHÂN BỐ CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên Dự án	Tổng vốn sự nghiệp				
		Tổng	NSTW	NSDP	Bao gồm	
					NS cấp tỉnh	NS huyện
	Tổng kinh phí	18.014	16.375	1.639	0	1.639
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1.812	1.812			
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	1.530	1.530			
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	282	282			
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	5.742	5.539	203	0	203
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	3.412	3.412			
2.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	2.096	1.913	183		183
2.3	Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	234	214	20		20
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.128	841	287		287
3.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.128	841	287		287
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	5.748	4.744	1.004		1.004
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc	1.588	584	1.004		1.004
4.2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc					
4.3	Tiểu dự án 2 - Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học					
4.4	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	3.834	3.834			
4.5	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	326	326			
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	0				
6	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	0				
7	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	885	800	85		85
8	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	2.190	2.164	26	0	26

STT	Tên Dự án	Tổng vốn sự nghiệp				
		Tổng	NSTW	NSDP	Bao gồm	
					NS cấp tỉnh	NS huyện
8.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	1.911	1.911			
8.2	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc	279	253	26		26
9	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện	509	475	34	0	34
9.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào	420	390	30		30
9.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	30	30			
9.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	59	55	4		4

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT

Thực hiện theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các địa phương	Vốn sự nghiệp TW					Ghi chú
		1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề (TW/10 tr/hộ - Vay vốn tối đa 100tr/hộ)		2. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán(TW 3 tr/d/hộ)		Vốn sự nghiệp TW	
		Số lượng (hộ)	Vốn sự nghiệp	Số lượng (hộ)	Vốn sự nghiệp		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
	Tổng cộng	153	1.530	94	282	1.812	
1	Xã Ia Hnú	25	250	31	93	343	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Đăng ký nhu cầu 86 hộ, năm 2022 đã bố trí 11 hộ - Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Đăng ký nhu cầu 35 hộ, năm 2022 đã bố trí 04 hộ
2	Xã Ia Le	25	250		0	250	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Đăng ký nhu cầu 80 hộ, năm 2022 đã bố trí 10 hộ - Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Xã không đăng ký khi xây dựng dự án
3	Xã Ia Rong	25	250		0	250	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Đăng ký nhu cầu 85 hộ, năm 2022 đã bố trí 10 hộ - Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Xã không đăng ký khi xây dựng Chương trình
4	Thị trấn Nhơn Hòa	25	250		0	250	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Đăng ký nhu cầu 55 hộ, năm 2022 đã bố trí 10 hộ - Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Xã không đăng ký khi xây dựng Chương trình
5	Xã Ia Phang	26	260		0	260	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Đăng ký nhu cầu 161 hộ, năm 2022 đã bố trí 12 hộ - Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Xã không đăng ký khi xây dựng Chương trình
6	Xã Ia Blư	0	0		0	0	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Không đăng ký nhu cầu khi xây dựng Chương trình - Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Xã không đăng ký khi xây dựng Chương trình
7	Xã Chư Don	9	90	31	93	183	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Đăng ký nhu cầu 19 hộ, năm 2022 đã bố trí 10 hộ - Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Đăng ký nhu cầu 59 hộ, năm 2022 đã bố trí 04 hộ
8	Xã Ia Dreng	18	180		0	180	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Đăng ký nhu cầu 28 hộ, năm 2022 đã bố trí 10 hộ - Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Xã không đăng ký khi xây dựng Chương trình
9	Xã Ia Hla	0	0	32	96	96	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Không đăng ký nhu cầu khi xây dựng Chương trình - Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Đăng ký nhu cầu 120 hộ, năm 2022 đã bố trí 04 hộ

***Thuyết minh Phương án phân bổ vốn:**

- + Về định mức phân bổ vốn hỗ trợ chuyển đổi nghề theo quy định tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính: 10 triệu đồng/hộ.
- + Về định mức phân bổ vốn hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán theo quy định tại Khoản 1, Điều 6, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính: 3 triệu đồng/hộ.

*** Năm 2022, huyện Chư Pưh được hỗ trợ 02 nội dung:**

1.1 Hỗ trợ chuyển đổi nghề:

- Căn cứ trên nhu cầu đăng ký của các xã, thị trấn và tổng số hộ và số vốn được UBND tỉnh giao. Huyện phân bổ kinh phí dưới hình thức chia đều trên cho các xã, thị trấn.

1.2 Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Căn cứ trên nhu cầu đăng ký của các xã, thị trấn và tổng số hộ và số vốn được UBND tỉnh giao. Huyện phân bổ kinh phí dưới hình thức chia đều trên cho các xã, thị trấn



KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023: BƯỚC 1: PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GẮN VỚI BẢO VỆ RỪNG VÀ NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN (Kế hoạch Nghị quyết số 151/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chur Puh)

		Vốn sự nghiệp										Năm 2023					
STT	Các đơn vị	Tổng số điểm theo tiêu chí	1.Tiêu chí hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ (0,004đ/ha)		2.Tiêu chí hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình (0,004đ/ha)		3.Tiêu chí hỗ trợ trợ khoán nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung (0,016đ/ha)		4.Tiêu chí hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển LSNG (0,1đ/ha)		5.Tiêu chí hỗ trợ trồng rừng phòng hộ (0,3đ/ha)		6.Tiêu chí gao trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển LSNG, rừng phòng hộ (0,12đ/tấn gao)		Tổng vốn (triệu đồng)	NSTW	NSDP
			Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (ha)	Điểm	Số lượng (tấn gao)	Điểm					
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
TỔNG CỘNG:		34,118			24,610	0,098			59,400	5,940			234,000	28,080	3,412	3,412	
1	Xã Ia Hla	17,258			24,610	0,098			30,00	3,000			118,000	14,160	1,726	1,726	
2	Xã Chư Don	16,860							29,40	2,940			116,000	13,920	1,686	1,686	

*Thuyết minh:

Phương án phân bổ: Căn cứ Điểm 1.2, Khoản 1, Điều 7 Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: Đối tượng được thụ hưởng dự án trên địa bàn huyện là xã KV II và xã KV III. Nền trên địa bàn huyện chỉ có 2 xã: Ia Hla và Chur Don. Với tổng số điểm được thụ hưởng là 34,118 điểm, với số kinh phí được hỗ trợ là 3.412 triệu đồng.

- Năm 2022 xã Chur Don đã được phân bổ vốn cho tiêu chí hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình. Nền năm 2023 phân bổ phần diện tích được tính phân bổ cho xã Ia Hla với diện tích là 24,61ha (quy ra 0,098 điểm).

- Tiêu chí hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển LSNG với tổng diện tích là 59,4ha. Chia đều cho 02 xã cụ thể: Ia Hla là 30 ha (quy ra 3 điểm), Chur Don là 29,4 ha (quy ra 2,94 điểm).

- Tiêu chí hỗ trợ trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển LSNG, rừng phòng hộ: Từ diện tích trồng rừng sản xuất được giao theo công thức tam suất tính được số tấn gạo được hỗ trợ như sau: Ia Hla là 118 tấn gạo (quy ra 14,16 điểm), Chur Don là 116 tấn gạo (quy ra 13,92 điểm).

Phân bổ vốn cho xã Chur Don và Ia Hla theo số điểm đạt được.



KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023: DỰ ÁN 3 - TIÊU DỤ ÁN 2 - NỘI DUNG 1: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ
(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Phụ lục 04

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng															
Vốn sự nghiệp										Vốn 2023			Ghi chú		
STT	Các đơn vị	Tổng số điểm theo tiêu chí	1. Tiêu chí xã ĐBKK (28đ/xã)		2. Tiêu chí thôn ĐBKK không thuộc xã KV III (5đ/thôn)		Tiêu chí ưu tiên 1: xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã BG (2đ/xã)		Tiêu chí ưu tiên 2: tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK (0,15đ/1%)		Tổng vốn (triệu đồng)	Vốn sự nghiệp			
			Số lượng (xã)	Điểm	Số lượng (thôn)	Điểm	Số lượng (xã)	Điểm	Tỷ lệ (%)	Điểm		NSTW			NSDP
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
Tổng cộng:			85,91	1	28,00	11	55,00			19,40	2,91	2.096	1.913	183	
*	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo liên kết theo chuỗi giá trị														
1	Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện	30,91	1	28,00					19,40	2,91	749	688	61	Năm 2022-2023	
2	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện	55,00			11	55,00					1.347	1.225	122	Thực hiện trên địa bàn 11 thôn ĐBKK	

*Thuyết minh:

Phương án phân bổ: Căn cứ mục a, điểm 2.2, khoản 2, Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Vốn phân bổ cho các địa phương như sau:

- Số điểm huyện được thụ hưởng, cụ thể như sau: Tổng số điểm là 85,91 điểm
- Xã Chư Don: xã ĐBK (28đ/xã * 1 = 28 điểm) + tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBK (0,15đ/1% * 19,4 = 2,91 điểm) = 30,91 điểm.
 - Tiêu chí thôn ĐBK không thuộc xã KV III (5đ/thôn): cho 06 xã được 55 điểm

Theo số vốn tỉnh phân bổ. Thực hiện "Hỗ trợ phát triển sản xuất theo liên kết theo chuỗi giá trị" theo chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Dự án chuyển tiếp năm 2022) và Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp triển khai thực hiện.

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023: DỰ ÁN 3 - TIỂU DỰ ÁN 2 - NỘI DUNG 3: THÚC ĐẨY KHỞI SỰ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số **151/NQ-HĐND**, ngày **14** tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

STT		Các đơn vị	Đơn vị: triệu đồng				Ghi chú	
			Vốn 2023					
			Tổng vốn vốn (triệu đồng)	Vốn sự nghiệp		NSTW		NSDP
A	B	(10)	(11)	(12)	(13)			
Tổng cộng:		234	214	20				
1	Xã Chư Don	165	150	15				
-	Mô hình hỗ trợ HTX đang hoạt động trên địa bàn xã ĐBKk thuộc vùng đồng bào DTTS và MN có kế hoạch mở rộng kinh doanh, sản xuất	165	150	15				
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	69	64	5				
-	Tổ chức hội chợ	69	64	5				

***Thuyết minh Phương án phân bổ:** Trên cơ sở đăng ký nhu cầu thực hiện UBND huyện giao cho UBND xã Chư Don thực hiện “Mô hình hỗ trợ HTX đang hoạt động trên địa bàn xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS và MN có kế hoạch mở rộng kinh doanh, sản xuất”; căn cứ chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chuyên môn thuộc huyện, UBND huyện giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện chủ trì thực hiện Tổ chức hội chợ.



Phụ lục 06

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023: DỰ ÁN 4 - TIỂU DỰ ÁN 1: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số 131/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các đơn vị	Năm 2023			Ghi chú
		Tổng vốn (triệu đồng)	NSTW	NSDP	
Tổng cộng:		1.128	841	287	
1	Xã Ia Hnú	251	187	64	
2	Xã Ia Le	251	187	64	
3	Thị trấn Nhơn Hòa	251	187	64	
4	Xã Ia Hla	375	280	95	

* **Thuyết minh phương án phân bổ:** Qua làm việc với UBND các xã, thị trấn. Năm 2022 đã bố trí kinh phí dự án này cho UBND xã Chư Don 417 triệu đồng. Để triển khai thực hiện dự án có hiệu quả, tập trung, tránh dàn trải. Các đơn vị cùng thống nhất năm 2023 tiếp tục bố trí cho 4 xã (có nhiều thôn ĐBK) là: Ia Hla (03 thôn), Ia Hnú (02 thôn), Ia Le (02 thôn) và thị trấn Nhơn Hòa (02 thôn). Kinh phí năm 2024, tiếp tục bố trí cho các xã còn lại. Trên cơ sở số vốn giai đoạn 2022-2025 và số điểm của của các xã, thị trấn, UBND huyện sẽ cân đối bố trí đảm bảo số vốn tương ứng với số điểm của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Phụ lục 07

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 DỰ ÁN 5 - TIỂU DỰ ÁN 1: ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG, CÙNG CỐ PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ, TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ, TRƯỜNG PHỔ THÔNG CÓ HỌC SINH Ở BÁN TRÚ VÀ XÓA MÙ CHỮ CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các đơn vị	Năm 2023			Ghi chú
		Tổng vốn (triệu đồng)	NSTW	NSDP	
Tổng cộng (A)+(B)		1.588	584	1.004	
A	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, có học sinh bán trú	1.004		1.004	
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	1.004		1.004	
B	Xóa mù chữ	584	584		
1	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	584	584		

* Thuyết minh Phương án phân bổ: Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị thuộc huyện.



Phụ lục 08

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023: DỰ ÁN 5 - TIỂU DỰ ÁN 3: DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ
GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG VÙNG DÂN TỘC
THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tổng vốn phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố	Vốn sự nghiệp		Vốn 2023			Ghi chú
		1. Tiêu chí Mỗi học viên được đào tạo nghề 0,035đ		Tổng vốn (triệu đồng)	Vốn sự nghiệp		
		Số lượng (học viên)	Điểm		NSTW	NSDP	
TỔNG CỘNG:		245	8,58	3.834	3.834		
	Phòng Lao động TB & XH huyện	245	8,58	3.834	3.834		

* **Thuyết minh Phương án phân bổ:** Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị thuộc huyện.



Phụ lục 09

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023: DỰ ÁN 5 - TIÊU DỰ ÁN 4: ĐÀO TẠO NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG VÀ CÁN BỘ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH Ở CÁC CẤP

(Kèm theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng

STT		Năm 2023			Ghi chú
		Tổng vốn (triệu đồng)	NSTW	NSDP	
TỔNG CỘNG:		326	326		
	Phòng Dân tộc huyện	326	326		

* **Thuyết minh Phương án phân bổ:** Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị thuộc huyện.

Phụ lục 10

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

(Kèm theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các đơn vị	Năm 2023			Chi chú
		Tổng vốn (triệu đồng)	NSTW	NSDP	
Tổng cộng:		885	800	85	
	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	885,00	800	85	

* Thuyết minh Phương án phân bổ: Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị thuộc huyện.

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023: DỰ ÁN 9 - TIỂU DỰ ÁN 1: ĐẦU TƯ TẠO SINH KẾ BÈN VỮNG, PHÁT TRIỂN KINH TẾ
- XÃ HỘI NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN, CÓ KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ**

(Kèm theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các đơn vị	Số hộ DTTS năm 2022	KH vốn năm 2023			Ghi chú
			Tổng vốn (triệu đồng)	NSTW	NSDP	
Tổng cộng:		8.598	1.911	1.911		
1	Xã Ia Hnú	1.054	234	234		
2	Xã Ia Le	1.388	308	308		
3	Xã Ia Rong	926	206	206		
4	Thị trấn Nhơn Hòa	1.380	307	307		
5	Xã Ia Phang	1.199	266	266		
6	Xã Ia Blứ	75	17	17		
7	Xã Chư Don	683	152	152		
8	Xã Ia Dreng	1.034	230	230		
9	Xã Ia Hla	859	191	191		

*** Thuyết minh Phương án phân bổ:**

- Theo Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, tiêu chí tính điểm là số hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù.
- Theo số liệu thực tế điều tra cuối năm 2022 (tại Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện), tổng số hộ DTTS trên địa bàn huyện và tổng số vốn phân bổ thực hiện Chương trình. UBND huyện phân bổ đều theo tiêu chí theo số lượng hộ DTTS trên địa bàn các xã, thị trấn.

Phụ lục 12

**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023: DỰ ÁN 9 - TIỂU DỰ ÁN 2: GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN
CÁN HUYẾT THÔNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 154/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các đơn vị	Năm 2023			Ghi chú
		Tổng vốn (triệu đồng)	NSTW	NSDP	
	Tổng cộng:	279	253	26	
	Phòng Dân tộc huyện	279	253	26	

* **Thuyết minh Phương án phân bổ:** Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị thuộc huyện.

Phụ lục 13

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 TIỂU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 10: BIỂU DƯƠNG, TÔN VINH ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN, PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI CÓ UY TÍN; PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO; TRUYỀN THÔNG PHỤC VỤ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TỔNG THỂ VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030

(Kèm theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các đơn vị	Năm 2023			Ghi chú
		Tổng vốn (triệu đồng)	Vốn sự nghiệp		
			NSTW	NSDP	
Tổng cộng:		420	390	30	
	Phòng Dân tộc huyện	420	390	30	

* **Thuyết minh Phương án phân bổ:** Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị thuộc huyện.

Phụ lục 14

KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2023: DỰ ÁN 10 - TIỂU DỰ ÁN 2: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐẢM BẢO AN NINH TRẬT TỰ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các đơn vị	Năm 2023		Ghi chú
		NSTW	NSDP	
Tổng cộng:		30		
	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	30		

* **Thuyết minh Phương án phân bổ:** Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị thuộc huyện.

Phụ lục 15

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN NĂM 2023: DỰ ÁN 10 - TIỂU DỰ ÁN 3: KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các đơn vị	Năm 2023			Ghi chú
		Tổng vốn (triệu đồng)	NSTW	NSDP	
Tổng cộng:		59	55	4	
	Phòng Dân tộc huyện	59	55	4	

* **Thuyết minh Phương án phân bổ:** Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị thuộc huyện.